

trồng và cải tiến công cụ, cải tiến kỹ thuật, thâm canh tăng năng suất. Và cả hai mặt đó đều là những biện pháp rất căn bản để nâng cao số lượng và giá trị ngày công trong hợp tác xã.

5. Vụ mùa năm nay, đi đôi với việc bảo đảm đạt và vượt mức kế hoạch diện tích, phải kiên quyết bảo đảm đạt và vượt mức chỉ tiêu về năng suất. Muốn vậy phải chuẩn bị đầy đủ ngay từ đầu vụ, áp dụng đầy đủ mọi khía cạnh của biện pháp kỹ thuật liên hoàn. Trước mắt, phải gieo mạ đúng kỹ thuật, đúng thời vụ để có đủ mạ, có mạ tốt và đúng tuổi. Phải chạy đua với thời gian, gặt đến đâu cấy bừa ngay đến đấy để làm đất được kỹ, kịp thời vụ cấy và tránh sự căng thẳng về sức kéo. Phải đẩy mạnh công tác thủy lợi, nhất là công tác thủy lợi nhỏ, để phòng hạn, phòng úng cho lúa mùa. Số lượng phân bón dự trữ cho vụ mùa hiện còn rất ít. Cần phát huy mọi sáng kiến, khai thác mọi nguồn phân, làm nhiều phân bón để bảo đảm bón từ 6 đến 8 tấn cho mỗi éc-ta lúa mùa, và một nửa số lượng phân của cả vụ phải được dùng bón lót. Ngoài phân chuồng là nguồn phân chủ yếu, cần phát triển mạnh hơn nữa bèo hóa dầu (là nguồn phân đạm rất quý mà bất cứ nơi nào cũng có thể sản xuất được) đẩy mạnh sản xuất phân ruộng và cần nhấn mạnh tác dụng của vôi, nước phù sa và đất phù sa, nước giải, phân bùn... Lúa chiêm năm nay gặt muộn, công việc làm mùa càng dồn dập. Vì vậy, càng phải đẩy mạnh việc cải tiến công cụ, và dùng công cụ cải tiến để cho công việc đồng áng được nhanh hơn và bảo đảm kỹ thuật hơn.

6. Năm thật vững khăn chính phải giải quyết hiện nay là tiến hành cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã nhằm làm cho các hợp tác xã có phương hướng sản xuất đúng, thực hiện được tốt việc dân chủ hóa kế hoạch và tổ chức, bố trí lao động giỏi để phát triển sản xuất đúng hướng, có kế hoạch toàn diện, bảo đảm không ngừng nâng cao thu nhập và đời sống của xã viên, tăng nguồn nông sản, hàng hóa của hợp tác xã. Phải đặt việc cải tiến và nâng cao quản lý hợp tác xã thành một cuộc vận động rộng rãi, có chuẩn bị chu đáo, có nội dung và kế hoạch tiến hành cụ thể.

Trong nhiều năm trước mắt, cải tiến và nâng cao quản lý hợp tác xã vẫn là vấn đề mấu chốt mà chúng ta phải tập trung sức giải quyết cho tốt, vì từ kinh tế cá thể chuyển sang kinh tế tập thể, tổ chức lại lao động ở nông thôn là cả một cuộc cách mạng to lớn, rất phức tạp. Sản xuất nông nghiệp ngày nay ở miền Bắc nước ta chủ yếu là sản xuất của hợp tác xã nông nghiệp. Không cải tiến và nâng cao quản lý hợp tác xã thì nhất thiết không thể phát triển được sản xuất nông nghiệp. Việc cải tiến và nâng cao quản lý hợp tác xã không chỉ chú ý đến phương hướng sản xuất và kỹ thuật, đến thu nhập và phân phối, nghĩa là không chỉ chú ý đến việc nâng cao mức sống, mà còn hết sức chú ý đến việc nâng cao ý thức làm chủ và ý thức về nghĩa vụ đối với Nhà nước, để phát triển nông nghiệp, phát triển kinh tế và văn hóa, củng cố quốc phòng làm cho nhân dân ta giàu, miền Bắc nước ta mạnh.

7. Từ kinh tế cá thể chuyển sang kinh tế tập thể, nông thôn miền Bắc nước ta đang liên tiếp trải qua nhiều quá trình cách mạng to lớn, rất phức tạp. Sự chỉ đạo nông nghiệp trong điều kiện của ta hiện nay lại càng phức tạp, khó khăn. Trừ các thành phố và khu công nghiệp, Ủy ban các cấp cần nắm vững trọng tâm lãnh đạo là nông nghiệp, đối tượng chỉ đạo hàng ngày là xã viên hợp tác xã nông nghiệp. Cần chuyển hướng mạnh mẽ tập trung sức phục vụ nông nghiệp. Tỉnh phải cùng với huyện thực sự nắm xã và hợp tác xã. Tỉnh và huyện đi đầu liên thành một khối sử dụng cho được các cơ quan chuyên môn trong công tác điều tra, nghiên cứu, đề xuất ý kiến, hướng dẫn về nghiệp vụ, chuyên môn (công tác kế hoạch, công tác quản lý, công tác kỹ thuật, công tác chính trị và tư tưởng, công tác tổ chức, ...) theo dõi tình hình thực hiện ở cơ sở và rút được kinh nghiệm về chuyên môn, nghiệp vụ, do đó mà nâng cao các ngành chuyên môn, nghiệp vụ lên trình độ thiết thực giúp cho các cấp Ủy ban tỉnh và huyện có đủ năng lực và điều kiện chỉ đạo cơ sở sản xuất được sát, kịp thời và cụ thể. Về mặt tổ chức thì cần chấm dứt sự phân công « dân hàng ngang », phân tán lực lượng. Trước hết cần tăng cường cho Ủy ban Kế hoạch tỉnh có đủ năng lực hiểu rõ được yêu cầu của Nhà nước và khả năng cụ thể mọi mặt của xã và hợp tác xã trong lĩnh vực tăng cường cho các ngành thuộc khối nông nghiệp.

Mọi công tác dân, chính, đảng, mọi tổ chức các ngành, các cấp trong tỉnh trước hết và chủ yếu phải dựa trên cơ sở phát triển sản xuất nông nghiệp và lấy việc phục vụ sản xuất nông nghiệp làm nội dung. Kiên quyết khắc phục tình trạng phân tán khá nặng nề hiện nay ở các tỉnh.

Toàn thể cán bộ các cấp, các ngành và toàn dân ta quyết khắc phục mọi khó khăn, phấn đấu vượt mức vụ mùa và hoàn thành thắng lợi kế hoạch nông nghiệp cả năm 1962.

Hà-nội ngày 12 tháng 6 năm 1962

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó Thủ tướng

PHẠM-HÙNG

LIÊN BỘ

TÀI CHÍNH — TỔNG CÔNG ĐOÀN VIỆT-NAM

THÔNG TƯ số 017-TT/LB ngày 9-6-1962

hướng dẫn cách thức trích nộp kinh phí cho quỹ bảo hiểm xã hội.

Thi hành điều 68 của điều lệ tạm thời về các chế độ bảo hiểm xã hội đối với công nhân viên chức Nhà nước và các điều 2, 4, 5, 6, 7, của nghị định số 39-CP ngày 22-3-1962 của Hội đồng Chính phủ;

Bộ Tài chính và Tổng công đoàn Việt-nam hướng dẫn cụ thể việc trích nộp kinh phí cho quỹ bảo hiểm xã hội như sau :

I. CĂN CỨ ĐỂ TÍNH KINH PHÍ TRÍCH NỘP CHO QUỸ BẢO HIỂM XÃ HỘI

Theo điều 2 và điều 5 của nghị định số 39/CP ngày 22-3-1962 nói trên, hàng tháng các cơ quan chính quyền và đoàn thể nhân dân, các xí nghiệp, công trường, nông trường, lâm trường... của Nhà nước phải nộp cho quỹ bảo hiểm xã hội một số tiền tính bằng 4,7% so với số tiền lương thực trả cho công nhân viên chức trong tháng đó.

1. *Quỹ tiền lương để làm căn cứ tính số tiền phải nộp cho quỹ bảo hiểm xã hội theo tỷ lệ 4,7%* nói trên là tổng số tiền mà hàng tháng cơ quan, xí nghiệp... đã thực chi để trả lương cho tổng số cán bộ công nhân viên chức nằm trong phạm vi chỉ tiêu kế hoạch lao động tiền lương của Nhà nước đã duyệt cho các cơ quan hành chính, sự nghiệp (kể cả các cơ quan đoàn thể nhân dân), các xí nghiệp, công trường, nông trường, lâm trường trong tháng đó, bao gồm mọi khoản chi về lương đã được Hội đồng Chính phủ quy định trong nghị định số 14/CP ngày 1-2-1961 về thành phần tổng mức tiền lương của Nhà nước.

2. *Kinh phí trích nộp cho quỹ bảo hiểm xã hội.* Lương của cán bộ, công nhân, viên chức thuộc chỉ tiêu biên chế và quỹ tiền lương nói trên do nguồn kinh phí nào trả (kinh phí hành chính, kinh phí sự nghiệp văn xã, kinh phí sự nghiệp kiến thiết kinh tế, kinh phí kinh doanh tự túc theo lối bù trừ chênh lệch, kinh phí kinh doanh sản xuất v.v...) thì số tiền nộp cho quỹ bảo hiểm xã hội cũng do nguồn kinh phí đó trả.

II. VIỆC GHI CHI VỀ BẢO HIỂM XÃ HỘI THUỘC NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC HAY KẾ HOẠCH TÀI VỤ CỦA CÁC CƠ QUAN XÍ NGHIỆP

1. *Đối với các cơ quan hành chính, sự nghiệp:* (kể cả các đoàn thể nhân dân, các cơ quan sự nghiệp văn xã và kiến thiết kinh tế), số tiền trích nộp theo tỷ lệ 4,7% cho quỹ bảo hiểm xã hội do ngân sách Nhà nước cấp phát trong dự toán kinh phí của các cơ quan đó và ghi vào mục III «phụ cấp xã hội», tiết 2 «Tiền trích nộp 4,7% cho quỹ bảo hiểm xã hội».

2. *Đối với các xí nghiệp:* Số tiền nộp theo tỷ lệ 4,7% cho quỹ bảo hiểm xã hội do xí nghiệp chi và tính vào giá thành sản phẩm.

3. *Đối với các đơn vị kiến thiết cơ bản:* Số tiền nộp theo tỷ lệ 4,7% cho quỹ bảo hiểm xã hội tính vào mục xã hội (chi phí gián tiếp) của dự toán kiến thiết.

4. *Đối với các nhà ăn, nhà trẻ:*

— Nhà ăn nộp cho quỹ bảo hiểm xã hội 4,7% so với quỹ tiền lương đã thực trả cho cấp dưỡng và

nhân viên nhà ăn. Số tiền nộp 4,7% cho quỹ bảo hiểm xã hội chi trong số thu của nhà ăn gồm số tiền cơ quan, xí nghiệp trợ cấp (1đ80 theo đầu người ăn) và số tiền thu 5% vào mức ăn thực tế của cán bộ công nhân viên chức.

— Nhà trẻ nộp cho quỹ bảo hiểm xã hội 4,7% so với quỹ tiền lương đã thực trả các bảo mẫu của nhà trẻ. Số tiền nộp 4,7% cho quỹ bảo hiểm xã hội ghi trong dự toán chi của nhà trẻ.

5. *Đối với các trường học:*

a) *Cán bộ, công nhân viên chức của trường:*

Việc trích nộp cho quỹ bảo hiểm xã hội 4,7% so với quỹ tiền lương đã thực trả cán bộ, công nhân, viên chức thuộc chỉ tiêu biên chế, tiền lương của trường, thực hiện theo cách thức quy định ở trên.

b) *Học sinh, sinh viên là cán bộ, công nhân, viên chức được cử đi học đã cắt biên chế ở cơ quan, xí nghiệp, hưởng sinh hoạt phí theo tỷ lệ % lương do trường đài thọ:*

Nhà trường phải trích nộp cho quỹ bảo hiểm xã hội 4,7% so với tổng số tiền đã trợ cấp theo tỷ lệ % lương cho các học sinh, sinh viên là cán bộ, công nhân được cử đi học. Số tiền trích nộp 4,7% này do quỹ học bổng của trường đài thọ và ghi vào một tiết riêng để tiện việc theo dõi.

c) *Cán bộ được cử đi học các lớp bồi dưỡng văn hóa, chính trị và nghiệp vụ vẫn thuộc biên chế cơ quan, xí nghiệp... vẫn lĩnh lương ở cơ quan, xí nghiệp... (hưởng 100% hay theo tỷ lệ % lương):*

Cơ quan trả lương phải trích nộp cho quỹ bảo hiểm xã hội 4,7% so với tổng số tiền lương đã thực trả những cán bộ, công nhân đó và phải giữ toàn bộ số tiền lương cho nhà trường để nhà trường trả lương và trợ cấp bảo hiểm xã hội cho những cán bộ và công nhân đó trong trường hợp ốm đau, sinh đẻ... về việc thanh toán giữa nhà trường và các cơ quan xí nghiệp sẽ có quy định sau.

III. THỜI GIAN NỘP KINH PHÍ CHO QUỸ BẢO HIỂM XÃ HỘI

1. *Vi căn cứ để tính số tiền phải nộp cho quỹ bảo hiểm xã hội là số tiền lương thực chi hàng tháng của cơ quan, xí nghiệp... nên thời gian quy định thống nhất để các cơ quan, nộp tiền cho quỹ bảo hiểm xã hội là từ ngày 1 đến hết ngày 5 đầu tháng sau (nghĩa là sau khi đã trừ xong lương tháng trước).*

Thí dụ: trong các ngày 1, 2, 3, 4, 5 tháng 4-1962 các cơ quan, xí nghiệp nộp cho Liên hiệp công đoàn số tiền phải nộp cho quỹ bảo hiểm xã hội về tháng 3-1962.

2. *Riêng tháng 12 hàng năm, để bảo đảm việc nộp kinh phí cho quỹ bảo hiểm xã hội và việc thanh toán các khoản chi về bảo hiểm xã hội được dứt khoát của năm nào vào năm ấy, nên đến*

ngày 31 tháng 12 nếu còn những khoản chi về lương hay bảo hiểm xã hội của tháng 12 chưa thanh toán xong phải để chi sang tháng 1 năm sau, thì các khoản chi đó được tính vào thực chi quỹ lương hay tạm ứng cho bảo hiểm xã hội của tháng 12 năm đó. Nhưng thời gian nộp kinh phí cho quỹ bảo hiểm xã hội về tháng 12 không được kéo dài quá ngày 15 tháng 1 năm sau.

IV. CÁCH TÍNH KINH PHÍ NỘP CHO QUỸ BẢO HIỂM XÃ HỘI

1. Đối với các cơ quan, xí nghiệp hiện đang trả lương cán bộ, công nhân, viên chức. Sau thời gian lao động một lần vào cuối tháng hoặc trả làm 2 kỳ:

a) Cuối mỗi tháng, lấy tổng số tiền lương đã thực trả cán bộ, công nhân, viên chức nhân với 4,7% để biết số kinh phí phải nộp cho quỹ bảo hiểm xã hội.

b) Lấy tổng số tiền đã ứng chi cho quỹ bảo hiểm xã hội trừ với số kinh phí phải nộp cho quỹ bảo hiểm xã hội để biết quỹ bảo hiểm xã hội còn thừa hay thiếu để thanh toán với Tổng công đoàn hoặc với Liên hiệp công đoàn đã được Tổng công đoàn ủy nhiệm.

Thí dụ:

— Tổng số lương đã thực trả trong tháng là 5.260đ

— Kinh phí phải nộp cho quỹ bảo hiểm xã hội là:

$$\frac{5.260đ \times 4,7}{100} = 247đ22$$

— Tổng số các khoản đã ứng chi về bảo hiểm xã hội là 200đ.

— Số tiền còn lại để nộp Tổng công đoàn hay Liên hiệp công đoàn (tài khoản quỹ bảo hiểm xã hội) là:

$$247đ22 - 200đ = 47đ22$$

2. Đối với các cơ quan, xí nghiệp hiện đang trả lương cán bộ, công nhân, viên chức trước thời gian lao động làm một kỳ hoặc 2 kỳ:

Cách tính tiền trích nộp cho quỹ bảo hiểm xã hội như sau:

a) Kỳ lương đầu tháng, cơ quan xí nghiệp vẫn trả cán bộ, công nhân, viên chức 60% lương và kỳ giữa tháng 40% như thường lệ, vì chưa biết trong tháng đó cán bộ công nhân viên chức nào ốm đau chuyển sang quỹ bảo hiểm xã hội trợ cấp, nên số tiền phải nộp cho quỹ bảo hiểm xã hội là 4,7% tổng số tiền lương đã phát trong 2 kỳ.

b) Cuối tháng biết rõ số ngày cán bộ, công nhân viên chức ốm, cơ quan, xí nghiệp tính lương những ngày ốm của những cán bộ ấy trừ vào lương tháng sau.

Thí dụ:

Tháng 2-1962: tổng số tiền lương đã phát trước là 5.260đ

— Số tiền phải nộp cho quỹ bảo hiểm xã hội là:

$$5.260đ \times 4,7\% = 247đ22$$

— Cuối tháng 2-1962, cơ quan biết rõ trong tháng ấy có 2 cán bộ ốm:

1. Ông A lương tháng 56đ ốm 5 ngày

2. Ông B lương tháng 73đ ốm 7 ngày

Số tiền phải trừ lần vào lương tháng 3-1962 là:

$$\text{— Ông A: 5 ngày: } \frac{56đ \times 5}{26} = 10đ75$$

$$\text{— Ông B: 7 ngày: } \frac{73đ \times 7}{26} = 19đ60$$

$$\text{Cộng: } 30đ35$$

Thực chi quỹ tiền lương tháng 3-1962 sẽ là:

$$5.260đ - 30đ35 = 5.229đ65$$

Số kinh phí phải nộp cho quỹ bảo hiểm xã hội trong tháng 3-1962 là: $5.229đ65 \times 4,7\% = 245đ80$

Cuối tháng 3-1962, biết rõ số cán bộ công nhân viên chức ốm thì lại tính lương những ngày ốm để tính trừ lần vào lương tháng 4-1962 v.v...

Riêng đến tháng 12-1962, lương ứng trước cho những ngày ốm trong tháng 12-1962 phải thu để giảm chi quỹ lương tháng 12-1962 trong thời gian chỉnh lý quyết toán tháng 12-1962.

Thí dụ: tháng 12-1962; tổng số tiền lương phát trước cho cán bộ 2 kỳ là: 5.370đ.

Trong tháng 11-1962 có 3 cán bộ ốm:

— Ông X: ốm 5 ngày, lương 56đ

— Ông Y: ốm 4 ngày, lương 50đ

— Ông Z: ốm 2 ngày, lương 73đ

Số tiền phải trừ lần vào lương tháng 12-1962 là:

$$\text{— Ông X: 5 ngày: } \frac{56đ \times 5}{26} = 10đ75$$

$$\text{— Ông Y: 4 ngày: } \frac{50đ \times 4}{26} = 7đ69$$

$$\text{— Ông Z: 2 ngày: } \frac{73đ \times 2}{26} = 5đ44$$

$$\text{Cộng: } 23đ88$$

Cuối tháng 12-1962 biết được trong tháng 12 có một cán bộ ốm 20 ngày, lương 73đ, số tiền phải trừ vào lương tháng 12-1962 là:

$$\frac{73đ \times 20}{26} = 56đ15$$

Thực chi quỹ tiền lương tháng 12 sẽ là:

$$5.370đ - (23,88 + 56,15) = 5.289đ97.$$

V. VIỆC TẠM ỨNG VÀ THANH TOÁN TIỀN TẠM ỨNG CHI CHO QUỸ BẢO HIỂM XÃ HỘI

1. Từ đầu đến cuối tháng, nếu quỹ bảo hiểm xã hội phải chi những khoản trợ cấp ốm đau, trợ cấp mất sữa, trợ cấp thôi việc vì mất sức lao động, trợ cấp về hưu trí, về mai táng phí, về thai sản v.v... cơ quan, xí nghiệp sẽ tạm ứng số tiền cần thiết trong phạm vi hạn mức dự toán của mình.

Hết tháng, sau khi đã tính xong và biết số tiền mà cơ quan, xí nghiệp phải nộp cho quỹ bảo hiểm xã hội trong tháng đó, quỹ bảo hiểm xã hội phải thanh toán ngay số tiền cơ quan, xí nghiệp đã tạm ứng.

Nếu số tiền phải nộp cho quỹ bảo hiểm xã hội nhiều hơn số tiền đã tạm ứng thì cơ quan, xí nghiệp phải nộp trả quỹ bảo hiểm xã hội số tiền còn lại, nếu số tiền phải nộp cho quỹ bảo hiểm xã hội ít hơn số tiền đã tạm ứng thì Ban bảo hiểm xã

09635545

www.ThuVienPhapLuat.com * Tel: +84-8-3845 6684 * LawSoft

hội cơ quan, xí nghiệp báo cáo lên Tổng công đoàn hoặc Liên hiệp công đoàn để chuyển trả lại cho cơ quan xí nghiệp số tiền còn thiếu, tháng nào cho dứt khoát tháng ấy.

Thí dụ:

1. Số tiền phải trích nộp cho quỹ bảo hiểm xã hội về tháng 2-1962 là 247đ 22. Trong tháng 2-1962, cơ quan đã tạm ứng cho quỹ bảo hiểm xã hội để trợ cấp: — bà C mất sữa: 10đ — ông D 1 tháng lương thôi việc vì mất sức lao động 73đ. Vậy số tiền phải nộp trả Tổng công đoàn hay Liên hiệp công đoàn là:

$$247đ 22 - (10 + 73đ) = 164đ 22$$

còn trợ cấp ốm về tháng 2-1962, vì trừ lán vào quỹ tiền lương tháng 3-1962, thì cũng thanh toán với quỹ bảo hiểm xã hội tháng 3-1962.

2. Tháng 3-1962: Tổng số tiền lương sau khi trừ đi số tiền lương mà cơ quan đã trả trước cho những ngày ốm của ông A và ông B tháng 2-1962 (30đ 35) còn lại là:

$$5.260đ - 30đ 35 = 5.229đ 65$$

Số tiền phải trích nộp cho quỹ bảo hiểm xã hội về tháng 3-1962 là:

$$5.229đ 65 \times 4,7\% = 245đ 80$$

Số tiền cơ quan đã tạm ứng cho quỹ bảo hiểm xã hội để trả trợ cấp, cho ông A và ông B những ngày nghỉ ốm về tháng 2-1962 là:

— Ông A: 80% lương trong 5 ngày ốm.

$$\frac{56đ \times 5 \times 80}{26 \times 100} = 8đ 60$$

— Ông B: 90% lương trong 7 ngày ốm:

$$\frac{73đ \times 7 \times 90}{26 \times 100} = 17đ 64$$

Cộng là 26đ 24

Trong tháng 3-1962 cơ quan lại tạm ứng cho quỹ bảo hiểm xã hội:

— Trả bà C mất sữa : 10đ

— Trả một cán bộ về hưu : 230đ

Cách thanh toán quỹ bảo hiểm xã hội như sau:

— Số tiền phải trích nộp quỹ bảo hiểm xã hội là: 245đ 80

— Số tiền đã tạm ứng cho quỹ bảo hiểm xã hội là: 26đ 24 + 10đ + 230đ = 266đ 24. Liên hiệp công đoàn phải cấp hoàn trả cơ quan:

$$266đ 24 - 245đ 80 = 20đ 44.$$

Như vậy tháng 2-1962 sau khi đã nộp 164đ 22 vào tài khoản của Liên hiệp công đoàn đã được Tổng công đoàn ủy nhiệm, tháng 3-62 sau khi đã được Liên hiệp công đoàn cấp hoàn trả 20đ 44, việc thanh toán kinh phí giữa cơ quan, xí nghiệp và quỹ bảo hiểm xã hội là xong.

Còn những cán bộ, công nhân, viên chức ốm như ông A, B, X... đã lĩnh 100% lương trong những ngày không làm việc thì tháng sau phải hoàn trả cơ quan, xí nghiệp số tiền chênh lệch giữa lương và trợ cấp xã hội. Cụ thể như sau:

Trong 5 ngày nghỉ việc vì ốm, ông A chỉ được hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội bằng 80% lương:

$$\frac{56đ \times 5 \times 80}{26 \times 100} = 8đ 60$$

nhưng ông A đã lĩnh trước cả 5 ngày lương là:

$$\frac{56đ \times 5}{26} = 10đ 75$$

nên tháng sau phải trả lại cơ quan:

$$10đ 75 - 8đ 60 = 2đ 15$$

— Trong 7 ngày nghỉ việc vì ốm, ông B chỉ được hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội:

$$\frac{73đ \times 7 \times 90}{26} = 17đ 64$$

nhưng ông đã lĩnh trước cả 7 ngày lương là:

$$\frac{73 \times 7}{100} = 19đ 60$$

nên tháng sau phải hoàn trả lại cơ quan:

$$19đ 60 - 17đ 64 = 1đ 96$$

Nhưng số tiền phải trả lại cơ quan, xí nghiệp như trên sẽ trừ ngay vào kỳ phát lương tháng sau.

2. Riêng các cơ quan hành chính sự nghiệp ngoài số kinh phí được cấp phát theo hạn mức không có khoản kinh phí nào khác, nên nếu trường hợp cơ quan đã chi hết hạn mục dự toán rồi mà quỹ bảo hiểm xã hội còn thiếu tiền để chi cho những trường hợp thường xuyên hay đột xuất trong tháng đó thì Ban bảo hiểm xã hội cơ quan có nhiệm vụ lập dự trù xin Liên hiệp công đoàn hay Tổng công đoàn cấp phát kinh phí.

3. Trường hợp thật cần thiết nếu quỹ bảo hiểm xã hội của Liên hiệp công đoàn hay Tổng công đoàn cũng không còn tiền để cấp phát cho các Ban bảo hiểm xã hội cơ quan thì Liên hiệp công đoàn và Tổng công đoàn có thể đề nghị với cơ quan Tài chính đồng cấp tạm ứng một số tiền cần thiết.

Hết tháng Liên hiệp công đoàn và Tổng công đoàn phải thanh toán trả cơ quan Tài chính số tiền đã vay.

VI. VIỆC QUẢN LÝ QUỸ BẢO HIỂM XÃ HỘI Ở CƠ QUAN, XÍ NGHIỆP, CÔNG TRƯỜNG, NÔNG TRƯỜNG, LÂM TRƯỜNG

1. Theo điều 67 và 70 của điều lệ tạm thời về các chế độ bảo hiểm xã hội. Tổng công đoàn Việt-nam chịu trách nhiệm quản lý quỹ bảo hiểm xã hội và toàn bộ sự nghiệp bảo hiểm xã hội của cán bộ, công nhân, viên chức Nhà nước. Ban bảo hiểm xã hội cơ quan, xí nghiệp, công trường, nông trường, lâm trường có trách nhiệm đơn đốc trích nộp quỹ bảo hiểm xã hội và quyết định việc chi cấp tiền bảo hiểm xã hội theo thể lệ đã ban hành, kiểm tra việc thu chi các khoản tiền bảo hiểm xã hội, các bộ phận tài vụ, nhân sự, thống kê lao động và tiền lương của cơ quan, xí nghiệp, công trường, nông trường, lâm trường có trách nhiệm phục vụ công tác quản lý quỹ bảo hiểm xã hội của công đoàn cơ sở và thủ trưởng các đơn vị này có trách nhiệm chỉ đạo đơn đốc các bộ phận ấy làm tốt công tác nói trên.

2. Căn cứ vào các điều quy định trên thì từ nay trở đi các bộ phận tài vụ (hoặc kế toán, quản trị) của các cơ quan xí nghiệp, công trường, nông trường, lâm trường có nhiệm vụ chấp hành đúng và đầy đủ chế độ quản lý thu chi quỹ bảo hiểm xã hội và các chế độ kế toán, báo cáo, v.v... về quỹ bảo hiểm xã hội theo các quy định của Tổng công đoàn Việt-nam.

3. Các cơ quan tài chính các cấp có trách nhiệm theo dõi, giám đốc việc trích nộp kinh phí cho quỹ bảo hiểm xã hội đúng tỷ lệ và căn cứ đã quy định (4,7% thực chi quỹ tiền lương).

VII. VIỆC BÁO CÁO THU CHI QUỸ BẢO HIỂM XÃ HỘI

Hàng tháng, các Ban bảo hiểm xã hội cơ quan, xí nghiệp... có trách nhiệm cùng với bộ phận tài vụ (kế toán, quản trị) của các cơ quan, xí nghiệp... làm báo cáo về tình hình thu chi và quản lý kế hoạch thu chi quỹ bảo hiểm xã hội ở đơn vị mình gửi lên Liên hiệp công đoàn cấp trên (đã được Tổng công đoàn ủy nhiệm quản lý trực tiếp quỹ bảo hiểm xã hội).

VIII. SƠ KẾT TÌNH HÌNH THU CHI VÀ QUẢN LÝ KẾ HOẠCH THU CHI QUỸ BẢO HIỂM XÃ HỘI QUÝ I VÀ QUÝ II NĂM 1962

Trong thời gian qua, vì chưa có những quy định cụ thể về cách thức trích nộp kinh phí cho quỹ bảo hiểm xã hội các cơ quan, xí nghiệp... mới tạm ứng kinh phí để chi về các khoản trợ cấp cán bộ, công nhân, viên chức theo các chế độ bảo hiểm xã hội.

Để thanh toán cụ thể và rút khoát số tiền của các cơ quan, xí nghiệp đã tạm ứng chi cho quỹ bảo hiểm xã hội và số tiền các cơ quan, xí nghiệp phải nộp cho quỹ bảo hiểm xã hội trong quý I và quý II năm 1962, các cơ quan, xí nghiệp cần tiến hành sơ kết ngay các khoản thu chi về bảo hiểm xã hội quý I và quý II theo quy định sau đây:

a) Đối với những cơ quan đã sơ kết xong tình hình thu chi quỹ bảo hiểm xã hội quý I:

— Cần xem xét lại việc trích nộp, nếu có điểm nào chưa đúng với những quy định trong văn bản này thì điều chỉnh lại cho số liệu được chính xác.

— Xúc tiến ngay việc sơ kết thu chi quỹ bảo hiểm xã hội quý II năm 1962.

b) Đối với những cơ quan xí nghiệp tới nay chưa sơ kết tình hình thu chi quỹ bảo hiểm xã hội, cần làm ngay báo cáo thu chi quỹ bảo hiểm xã hội quý I-1962 trước và gửi đến Liên hiệp công đoàn, đồng thời tiếp tục làm ngay báo cáo thu chi quỹ bảo hiểm xã hội quý II-1962.

c) Mẫu báo cáo: Báo cáo sơ kết thu chi quỹ bảo hiểm xã hội quý I và quý II-1962 phải làm theo mẫu thống nhất do Tổng công đoàn hướng dẫn và gửi

cho Liên hiệp công đoàn để Liên hiệp công đoàn tổng hợp gửi lên Tổng công đoàn.

d) Thời hạn báo cáo:

— Sơ kết quý I-1962:

Chậm nhất đến ngày 20-6-1962, các cơ quan, xí nghiệp, công, nông, lâm trường phải sơ kết xong quý I-1962 và gửi báo cáo đến Liên hiệp công đoàn khu, tỉnh, thành phố và công đoàn ngành dọc.

Chậm nhất đến ngày 30-6-1962, các Liên hiệp công đoàn khu, tỉnh, thành phố và công đoàn ngành dọc phải tổng hợp xong báo cáo quý I-1962 gửi lên Tổng công đoàn Việt-nam.

— Sơ kết quý II-1962:

Chậm nhất đến ngày 15-7-1962, các cơ quan, xí nghiệp, công, nông, lâm trường, phải gửi báo cáo thu chi quỹ bảo hiểm xã hội quý II-1962 đến Liên hiệp công đoàn khu, tỉnh, thành phố và công đoàn ngành dọc.

Chậm nhất đến ngày 30-7-1962, các Liên hiệp công đoàn khu, tỉnh, thành phố và Công đoàn ngành dọc phải tổng hợp xong báo cáo quý II-1962 gửi Tổng công đoàn Việt-nam.

e) Những quy định cụ thể trong việc thanh toán thu chi quỹ bảo hiểm xã hội quý I và quý II năm 1962:

a) Theo nguyên tắc điều lệ tạm thời về các chế độ bảo hiểm xã hội có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1-1-1962.

b) Những cơ quan, xí nghiệp... nào chưa kịp phổ biến điều lệ, chính sách bảo hiểm xã hội cho cán bộ, công nhân, viên chức, thì riêng chế độ ốm đau được hoãn lại 1 tháng, nhưng bắt đầu từ ngày 1-2-1962, toàn bộ chế độ bảo hiểm xã hội nhất thiết phải được thi hành.

c) Theo bản triết tính cụ thể của Liên bộ Tài chính, Lao động, Nội vụ, Tổng công đoàn thì trong tỷ lệ 4,7% so với thực chi quỹ lương nộp cho quỹ bảo hiểm xã hội, số tiền trợ cấp cho cán bộ, công nhân, viên chức trong những ngày nghỉ vì ốm đau chiếm 2,8%. Như vậy:

— Trong tháng 1-1962 nơi nào đã thi hành toàn bộ các chế độ bảo hiểm xã hội (kể cả chế độ trợ cấp ốm đau do quỹ bảo hiểm xã hội trả) từ ngày 1-1-1962 thì phải nộp cho quỹ bảo hiểm xã hội theo tỷ lệ 4,7% so với thực chi quỹ lương tháng 1-1962 và thanh toán theo thực chi.

— Trong tháng 1-1962, nơi nào vẫn trả lương cán bộ, công nhân, viên chức trong những ngày nghỉ việc vì ốm đau vào quỹ lương thì chỉ phải trích nộp cho quỹ bảo hiểm xã hội theo tỷ lệ (4,7% — 2,8%) 1,9% so với thực chi quỹ lương trong tháng 1-1962.

— Trong tháng 1-1962, nơi nào đã trả trợ cấp cán bộ, công nhân, viên chức trong những ngày nghỉ vì ốm đau vào quỹ bảo hiểm xã hội từ ngày 1-1-1962 trở đi thì trong tháng 1-1962 phải trích nộp cho quỹ bảo hiểm xã hội theo tỷ lệ (4,7% — 1,4%) 3,3% so với thực chi quỹ lương tháng 1-1962.

— Còn những tháng sau 2, 3, 4, 5, 6, tất cả các cơ quan, xí nghiệp đều phải nộp kinh phí cho quỹ

bảo hiểm xã hội hàng tháng theo tỷ lệ 4,7% so với thực chi quỹ tiền lương trong tháng. Cơ quan, xí nghiệp nào chậm nhất đến ngày 1-2-1962 vẫn chưa thi hành chế độ bảo hiểm xã hội về trợ cấp ốm đau mà vẫn trả 100% lương cho cán bộ, công nhân, viên chức cho những ngày họ nghỉ vì ốm đau thì các cơ quan, xí nghiệp đó phải tính lại để thi hành kể từ ngày 1-2-1962 và phải trích nộp kinh phí cho quỹ bảo hiểm xã hội theo tỷ lệ 4,7% so với thực chi quỹ tiền lương.

Số tiền lương đã trả cho cán bộ, công nhân, viên chức ốm đau phải điều chỉnh lại theo chế độ trợ cấp ốm đau quy định ở điều 7 chương II của điều lệ bảo hiểm xã hội số tiền chênh lệch phải truy hoàn trả quỹ lương.

Nhưng để chiếu cố trường hợp hoàn cảnh gia đình khó khăn của một số cán bộ, công nhân, viên chức ốm đau, cơ quan, xí nghiệp có thể phối hợp với Công đoàn để xét cụ thể từng trường hợp và giải quyết việc truy hoàn bằng cách cho trừ dần vào lương hàng tháng, nhưng tối đa không được kéo dài quá 3 tháng.

Trong khi tiến hành nếu gặp khó khăn trở ngại gì đề nghị các Bộ, các cơ quan trung ương, các Ủy ban hành chính khu, tỉnh, thành phố báo cáo cho Bộ Tài chính và Tổng công đoàn biết để nghiên cứu biện pháp giải quyết.

Hà-nội, ngày 9 tháng 6 năm 1962

T.M. Ban Chấp hành	K.T. Bộ trưởng
Tổng công đoàn Việt-nam	Bộ Tài chính
Tổng thư ký	Thư trưởng
TRẦN DANH TUYẾN	NGUYỄN THANH SƠN

CÁC BỘ

BỘ NỘI THƯƠNG

QUYẾT ĐỊNH số 447-NT ngày 11-6-1962
về việc chuyển Trường thương nghiệp Việt-bắc thành Trường trung cấp thương nghiệp miền núi.

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI THƯƠNG

Căn cứ nghị định số 450/NT-TC ngày 16-6-1959 và quyết định số 815/NT ngày 8-12-1960 của Bộ Nội thương tạm thời sắp xếp bộ máy tổ chức của Bộ tại trung ương;

Xét nhu cầu đào tạo cán bộ miền núi của ngành Nội thương.

Xét đề nghị của ông Vụ trưởng Vụ Tổ chức, Vụ trưởng Vụ Cán bộ giáo dục,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. — Nay chuyển Trường thương nghiệp Việt-bắc thành Trường trung cấp thương nghiệp miền núi, trực thuộc Bộ và đặt địa điểm trường tại tỉnh Thái nguyên.

Điều 2. — Trường trung cấp thương nghiệp miền núi có nhiệm vụ đào tạo và bổ túc cán bộ thương nghiệp miền núi theo chương trình trung cấp thương nghiệp về các môn: kinh tế thương nghiệp, tổ chức kỹ thuật, thống kê kế hoạch, kế toán, tài vụ, thương phẩm học... để phục vụ cho nhu cầu công tác trước mắt và lâu dài về thương nghiệp của các tỉnh miền núi:

Cụ thể là:

a) Xây dựng chương trình, kế hoạch giảng dạy về đào tạo và bổ túc cán bộ thương nghiệp miền núi, trình Bộ duyệt; tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch ấy.

b) Biên soạn tài liệu và không ngừng cải tiến phương pháp giảng dạy cho thích hợp với yêu cầu đào tạo và trình độ học sinh; nâng cao trình độ giảng dạy cho cán bộ giảng dạy của nhà trường.

c) Sắp xếp tổ chức học tập, theo dõi và quản lý học sinh trong thời gian học tập tại trường.

d) Bố trí kế hoạch hướng dẫn học tập, theo dõi kết quả học tập của học sinh; đề nghị với Bộ về phân phối số lượng sinh khi học sinh ra trường.

e) Thực hiện đầy đủ các nguyên tắc, chế độ và quy chế về trường trung cấp chuyên nghiệp do Bộ Giáo dục quy định và thường xuyên-báo cáo tình hình học tập, giảng dạy cho Bộ Giáo dục.

g) Lãnh đạo mọi mặt về hành chính, quản trị trong khu vực nhà trường; quản lý cán bộ, công nhân viên của trường.

Điều 3. — Trường trung cấp thương nghiệp miền núi do một hiệu trưởng phụ trách, và có từ một tới hai hiệu phó giúp việc.

Giúp việc hiệu trưởng và hiệu phó có một số cán bộ chuyên trách. Tùy tình hình cụ thể, hiệu trưởng có thể quyết định bố trí các cán bộ này thành các tổ hoặc bộ phận công tác như các tổ hoặc bộ phận giảng dạy, giáo vụ, văn thư, hành chính quản trị.

Biên chế hàng năm của trường do ông hiệu trưởng xây dựng và trình Bộ xét duyệt.

Điều 4. — Trường trung cấp thương nghiệp miền núi chịu sự lãnh đạo của Bộ về mọi mặt, đồng thời đặt dưới sự lãnh đạo của Ủy ban hành chính Khu tự trị Việt-bắc về các mặt: kiểm tra đơn đốc việc thực hiện chương trình và kế hoạch giảng dạy, chấp hành các chính sách của Nhà nước ở địa phương, tổ chức bảo vệ trị an trong khu vực nhà trường, giáo dục tư tưởng chính trị cho học sinh và cho cán bộ nhân viên nhà trường. Trường trung cấp thương nghiệp miền núi phải thường kỳ báo cáo cho Ủy ban hành chính khu tự trị Việt-bắc, về các mặt đó.

Điều 5. — Ông Chánh văn phòng Bộ, các ông Vụ trưởng các Vụ Tổ chức, Cán bộ và giáo dục, Kế hoạch, Tài vụ thuộc Bộ Nội thương, Ủy ban hành chính Khu tự trị Việt-bắc chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Hà-nội, ngày 11 tháng 6 năm 1962

K.T. Bộ trưởng Bộ Nội thương

Thư trưởng

HOÀNG QUỐC THỊNH